

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Quy hoạch bảo tồn và phát triển cây dược liệu ứng dụng công nghệ cao tỉnh An Giang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Điều Nghị định số 92/2006/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 2163/QĐ-UBND ngày 29/11/2012 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành Kế hoạch phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh An Giang giai đoạn 2012-2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 689/TTr-SKHĐT ngày 12/11/2014 về việc phê duyệt Quy hoạch bảo tồn và phát triển cây dược liệu ứng dụng công nghệ cao tỉnh An Giang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch bảo tồn và phát triển cây dược liệu ứng dụng công nghệ cao tỉnh An Giang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 với những nội dung chủ yếu như sau:

I. Quan điểm và mục tiêu quy hoạch:

1. Quan điểm.

a) Thuốc là một loại hàng hóa đặc biệt, là một trong những phương tiện chủ yếu để bảo vệ và chăm sóc sức khỏe con người. Không lúc nào con người không cần dùng đến thuốc và ngày càng có xu hướng sử dụng dược thảo có nguồn gốc từ thiên nhiên để làm thuốc. Do đó, cần phải xây dựng vùng bảo tồn và phát triển cây dược liệu ứng dụng công nghệ cao đáp ứng tiêu chuẩn tiên tiến, trở thành thương hiệu “dược liệu vùng Thất Sơn”.

b) Đa dạng hóa các hình thức đầu tư phát triển hợp tác gây trồng, bao tiêu sản phẩm, khuyến khích xã hội hóa đầu tư kể cả việc thu hút đầu tư nước ngoài và tăng cường sự liên kết với các doanh nghiệp trong nước.

c) Xác định cây dược liệu là sản phẩm tiềm năng của tỉnh để quy hoạch, bảo tồn và phát triển, từng bước khuyến cáo nhân dân gây trồng. Có chính sách hỗ trợ thích đáng để phát triển những vùng gây trồng cây dược liệu. Đảm bảo ưu tiên chính sách hỗ trợ cho các hộ gia đình là những chủ rừng trên các đồi núi.

d) Làm cơ sở triển khai chi tiết Quy hoạch bảo tồn và phát triển cây dược liệu ứng dụng công nghệ cao tỉnh An Giang đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 theo xu hướng được phép bổ sung, điều chỉnh theo định kỳ hàng năm nếu có phát sinh.

2. Mục tiêu.

a) Mục tiêu tổng quát.

- Quy hoạch vùng bảo tồn và gây trồng cây dược liệu tiềm năng. Từng bước định hướng khoanh vùng, bảo vệ, nghiên cứu và hướng dẫn cho nhân dân gây trồng phù hợp với: khí hậu thổ nhưỡng, nhu cầu thị trường, khả năng áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật tạo sản phẩm có nguồn gốc của tỉnh An Giang mang thương hiệu “Thất Sơn” được quảng bá rộng rãi trên thị trường trong nước, đủ sức cung cấp và cạnh tranh trên thị trường.

- Hướng dẫn nhân dân gây trồng cây dược liệu tiềm năng trên cơ sở gắn kết chặt chẽ giữa ba đối tượng: cơ sở nghiên cứu khoa học về dược liệu, người gây trồng dược liệu và doanh nghiệp sử dụng dược liệu làm nguyên liệu sản xuất thuốc cùng với các bệnh viện có sử dụng cây dược liệu trị bệnh, tạo mối quan hệ chặt chẽ trong môi trường bền vững, nhằm sử dụng bền vững nguồn tài nguyên rừng, cây dược liệu và tạo thu nhập cho chủ rừng trên các đồi núi.

b) Mục tiêu cụ thể.

- Đến năm 2020, tổng diện tích vùng nguyên liệu gây trồng cây dược liệu khoảng 2.000 ha thuộc hai huyện Tịnh Biên và Tri Tôn và định hướng đến năm 2030 mở rộng thêm 3.000 ha đạt tổng diện tích quy hoạch ổn định là 5.000 ha.

- Quy hoạch vùng bảo tồn nhằm cấm khai thác cây dược liệu trên các núi thuộc hai huyện Tri Tôn và Tịnh Biên từ năm 2016 đến năm 2020 là 500 ha, định hướng đến năm 2030 duy trì diện tích 500 ha. Xây dựng vườn cây dược liệu gia đình để bảo tồn và phát triển những loại gen, giống cây dược liệu đến năm 2020 là 50 ha, định hướng đến năm 2030 duy trì diện tích 50 ha.

- Đầu tư xây dựng nhà gieo ươm công nghệ cao cung cấp giống đủ chuẩn tại vị trí vườn ươm của Hạt Kiểm lâm Tịnh Biên và Hạt Kiểm lâm Tri Tôn từ năm 2013 đến năm 2020 với diện tích 01 ha, định hướng đến năm 2030 duy trì diện tích 01 ha vườn ươm tạo giống cây dược liệu.

3. Các chỉ tiêu chủ yếu.

Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2030
1. Trồng cây dược liệu	ha	2.000	5.000
2. Bảo tồn cấm khai thác	ha	500	500
3. Vườn cây dược liệu	ha	50	50
4. Nhà lưới tạo giống	ha	01	01

II. Quy hoạch bảo tồn và phát triển cây dược liệu ứng dụng công nghệ cao tỉnh An Giang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

1. Quy hoạch vùng gây trồng và khai thác bền vững cây dược liệu.

Tổng diện tích quy hoạch ổn định cho vùng nguyên liệu gây trồng cây dược liệu xen dưới tán rừng là 5.000 ha trong phạm vi ranh giới bảng, mốc 3 loại rừng) trên

vùng đồi núi thuộc hai huyện Tri Tôn và Tịnh Biên, trong đó giai đoạn đến năm 2020 khoảng 2.000 ha và định hướng đến năm 2030 là 5.000 ha.

- **Huyện Tịnh Biên:** năm 2020 là 1.000 ha, đến năm 2030 là 2.500 ha.

TT	Địa điểm	Diện tích quy hoạch trồng đến năm 2020 (ha)	Diện tích quy hoạch trồng đến năm 2030 (ha)
1	Cụm núi đất thuộc xã An Phú	200	400
2	Cụm núi Phú Cường	100	200
3	Cụm núi Dài nhỏ	100	300
4	Núi Cấm, Núi Bà đội Om	600	1.600
	Tổng diện tích	1.000	2.500

Tập trung trồng các loài dược liệu bao gồm các loài bản địa như: Đinh lăng, Hương nhu trắng, Ích mẫu, Nghệ vàng, Ba kích, Gừng, Trinh nữ hoàng cung, Hà thủ ô đỏ, Huyết rồng, Thần xạ hương, Kỳ hương, Sâm đại hành, Sâm bố chính, Bồ công anh, Sâm đất, Sâm hồng, Sâm thổ cao ly, Dây Thuốc cá, Diệp hạ châu đắng, Củ mài, Hòe, Kim tiền thảo, Sa nhân tím.

Ưu tiên phát triển trồng 09 loài: Đinh lăng, Nghệ vàng, Ba kích, Gừng, Trinh nữ hoàng cung, Hà thủ ô đỏ, Sa Nhân tím, Bồ công anh, Cà gai leo và một số loài khác, phụ thuộc vào đơn đặt hàng gây trồng của đối tác.

- **Huyện Tri Tôn:** năm 2020 là 1.000 ha, đến năm 2030 là 2.500 ha.

TT	Địa điểm	Diện tích quy hoạch trồng đến năm 2020 (ha)	Diện tích quy hoạch trồng đến năm 2030 (ha)
1	Núi Dài	500	1.300
2	Núi Tượng	50	100
3	Núi Cô Tô	400	1.000
4	Cụm núi Ba thê, núi Sập	50	100
	Tổng diện tích	1.000	2.500

Tập trung trồng các loài dược liệu bao gồm các loài bản địa như: Trâm hương, Đinh lăng; Hương nhu trắng; Ích mẫu; Nghệ vàng; Nghệ xạ cừ; Ba kích; Gừng; Trinh nữ hoàng cung; Hà thủ ô đỏ; Quỉ kiếm sần; Cam thảo; Chân chim; Đở trọng nam; Huyết rồng; Thần xạ hương; Kỳ hương; Sâm đại hành; Sâm đất; Sâm hồng; Đinh Lăng; Ngũ Gia Bì; Dây Thuốc cá; Diệp hạ châu đắng; Củ mài; Hòe; Quế; Ngải cứu; Xuyên tâm liên; Râu mèo và Kim tiền thảo. Ưu tiên phát triển trồng 16 loài: Trâm hương, Đinh lăng, Hương nhu trắng, Ích mẫu, Nghệ vàng, Nghệ xạ cừ, Ba kích, Gừng, Trinh nữ hoàng cung, Hà thủ ô đỏ, Đở sâm, Xuyên tâm liên, Thổ phục linh, Sa nhân tím, Quế, Cà gai leo và một số loài khác, phụ thuộc vào đơn đặt hàng gây trồng của đối tác.

2. Quy hoạch vùng bảo tồn cấm khai thác cây dược liệu thiên nhiên.

Là vùng được quy hoạch cấm khai thác với tổng diện tích khoanh vùng bảo vệ nghiêm ngặt các quần thể cây dược liệu trong thiên nhiên, được quy hoạch đến năm 2020 với diện tích là 500 ha, định hướng đến năm 2030 duy trì diện tích 500 ha.

- **Huyện Tri Tôn với 200 ha:** Núi Nam Quy xã Châu Lăng: 50 ha, Núi Cô Tô xã núi Tô 100 ha, Núi Dài 50 ha.

Nơi đây xuất hiện nhiều quần thể cây dược liệu có giá trị kinh tế đang từng bước tái sinh mở rộng kích thước quần thể của chúng như: Thổ Phục Linh, Dây Chiếu, Mật Nhân, Hà Thủ Ô Trắng, Củ Chi, các loài Ngải, Hương Nhu, Sâm rừng, Cò Sen, Trâm hương, Đinh lăng, Ích mẫu, Trinh nữ hoàng cung, Quỳ kiếm sần, Cam thảo, Chân chim, Đỗ trọng nam, Huyết rồng, Thần xạ hương, Kỳ hương, Sâm đại hành, Sâm đất, Sâm hồng, Sâm thổ cao ly, Ngũ Gia Bì, Dây Thuốc cá, Thần thông, Bí kỳ nam, Cây bá bệnh, Hồng đẳng sâm, . . .

- **Huyện Tịnh Biên với 300 ha :** Cụm núi đất xã An phú 50 ha và Núi cấm thuộc xã An Cư 250 ha, đã xuất hiện những loài dược liệu như: Cỏ cứt lợn, cỏ hôi, Cỏ lá tre, Cỏ màn trâu, Cỏ mực, Cỏ ống, Cỏ may, Dây chại, Lá lốt, Cỏ bạc đầu, Trâm hương, Ngải cứu, Thổ phục linh . . .

3. Quy hoạch vườn ươm tạo giống cây dược liệu.

- Đầu tư xây dựng 02 nhà gieo ươm công nghệ cao tại vị trí vườn ươm của Hạt Kiểm lâm Tịnh Biên và Hạt Kiểm lâm Tri Tôn. Năm 2013 xây dựng với diện tích 0,5 ha tại Hạt Kiểm lâm Tịnh Biên và đến năm 2020 mở rộng thêm 01 nhà lưới với diện tích 0,5 ha tại Hạt Kiểm lâm Tri Tôn. Định hướng đến năm 2030 duy trì diện tích 01 ha vườn ươm tạo giống cây dược liệu.

- Thực hiện tạo giống bằng kỹ thuật giâm hom cho một số loài và sau đó chuyển qua kỹ thuật chăm sóc cây con cây mô do Trung tâm Công nghệ Sinh học của tỉnh cung cấp để sản xuất đại trà phù hợp với điều kiện của từng loài cây dược liệu.

- Triển khai nghiên cứu các biện pháp phục tráng, thuần hóa và nhập nội giống dược liệu. Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật để chọn, tạo ra các loại giống dược liệu có năng suất, chất lượng cao đáp ứng yêu cầu sản xuất dược liệu.

4. Xây dựng vườn cây dược liệu gia đình.

Mở rộng và xây dựng vườn cây dược liệu gia đình để bảo tồn và phát triển những loại gen, giống cây dược liệu đến năm 2020 với qui mô 50 ha nhằm xã hội hóa công tác bảo tồn nguồn gen, phục vụ nghiên cứu khoa học và phát triển dược liệu. Định hướng đến năm 2030 duy trì diện tích 50 ha, cụ thể như sau:

- Huyện Thoại Sơn: Tại Ba Thê, huyện Thoại Sơn với diện tích 05 ha.

- Huyện Tri Tôn: Tại núi Cô Tô với diện tích 10 ha, núi Dài với diện tích 10 ha.

- Huyện Tịnh Biên: tại núi Cấm với diện tích 10 ha, tại núi Dài nhỏ và cụm núi đất 15 ha.

III. Giải pháp thực hiện Quy hoạch bảo tồn và phát triển cây dược liệu ứng dụng công nghệ cao tỉnh An Giang.

1. Giải pháp huy động vốn đầu tư: Tổng nhu cầu vốn 37.900 triệu đồng.

- **Vốn ngân sách:** Tập trung chủ yếu cho các dự án điều tra hiện trạng, lập danh lục các loài cây dược liệu, khoanh vùng bảo vệ cấm khai thác; lập dự án bảo tồn và phát triển cây dược liệu; xây dựng vườn ươm tạo giống, xây dựng các mô hình ..v...v.... Tổng nhu cầu: **2.380** triệu đồng.

- **Vốn tín dụng:** Tập trung cho các chủ rừng vay để gây trồng cây dược liệu khi có hợp tác với các Công ty. Tổng nhu cầu **10.500** triệu đồng.

- **Vốn dân:** Nếu triển khai thực hiện gây trồng trên diện tích 5.000 ha và xây dựng vườn thuốc gia đình thì người dân đầu tư khoảng **14.520** triệu đồng.

- **Vốn huy động từ doanh nghiệp và vốn khác:** Xây dựng cơ chế với các chính sách đầu tư, hỗ trợ thích đáng, thu hút, huy động mọi nguồn lực trong xã hội và ngoài nước cùng tham gia thông qua các cơ chế, chính sách ưu đãi nhằm kêu gọi, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư các dự án hoặc hợp tác gây trồng và bao tiêu sản phẩm. Tổng vốn nhu cầu **10.500** triệu đồng.

2. Nhóm giải pháp nghiên cứu, chuyển giao công nghệ

- Xây dựng chương trình hợp tác với ngành y tế để gắn kết giữa các cơ sở khám chữa bệnh bằng cây thuốc với quá trình nghiên cứu với thực tiễn trồng cây dược liệu.

- Ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học, chủ động hợp tác với Trung tâm Công nghệ sinh học của tỉnh để chuyển giao các công nghệ, tiến bộ kỹ thuật tiên tiến để gieo ươm, khai tác và bảo quản dược liệu theo tiêu chuẩn.

- Đề xuất với cấp có thẩm quyền để xem xét, ban hành các cơ chế, chính sách khuyến khích tổ chức khoa học công nghệ, doanh nghiệp, cá nhân đầu tư vào hoạt động chuyển giao, tiếp nhận, làm chủ và ứng dụng công nghệ để sản xuất nguyên liệu dược liệu làm thuốc cũng như các hoạt động tiếp thị, xúc tiến thương mại và quảng bá thương hiệu các sản phẩm dược liệu.

3. Nhóm giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

a) Về phát triển nhân lực.

- Phối hợp với Trường Đại học An Giang, Trường Trung cấp y tế An Giang, Viện Sinh thái nhiệt đới, Trung tâm Sâm và dược liệu Thành phố Hồ Chí Minh, ... là nơi tập trung nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ đạt trình độ tiên bộ cao. Tăng cường giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn phát triển nguồn nhân lực phục vụ công tác điều tra, nghiên cứu và quản lý tài nguyên rừng, tài nguyên dược liệu.

- Mở các lớp đào tạo ngắn hạn đối với các hộ tham gia quá trình kinh doanh cây dược liệu, đào tạo nâng cao tay nghề điều trị bệnh bằng cây dược liệu để khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ bền vững.

- Tạo sự liên kết của 4 nhà thông qua các chương trình về đào tạo chuyển giao công nghệ; tập huấn kỹ thuật canh tác, thu hái, bảo quản ... về dược liệu.

b) Về phát triển vật lực.

- Xây dựng các đề tài nghiên cứu khoa học và tập trung cho phát triển khoa học công nghệ trong tương lai;
- Xây dựng chiến lược phát triển cây dược liệu đặc thù có dược tính cao;
- Xây dựng dự án bảo tồn và phát triển nguồn dược liệu trong tỉnh.
- Tập trung các nguồn lực để phục tráng, nhập nội, di thực, thuần hóa và phát triển các giống cây dược liệu có nguồn gốc là vị thuốc bắc sử dụng nhiều trong y học cổ truyền gắn với chỉ dẫn địa lý, đảm bảo thích nghi với điều kiện tự nhiên của các đồi núi trong tỉnh, đảm bảo cung cấp đủ giống cây thuốc cho nhu cầu gây trồng và phát triển dược liệu ở quy mô lớn, cung ứng được 60 % giống cây thuốc sạch bệnh, có chất lượng cao được sản xuất tại hai vườn ươm công nghệ cao của Chi cục Kiểm lâm đến năm 2020 và 80% đến năm 2030.

4. Giải pháp cung ứng dược liệu

- Triển khai mạnh các giải pháp mời gọi đầu tư đối với các Công ty, Nhà máy sản xuất dược để xúc tiến hợp tác xây dựng nguồn nguyên liệu phục vụ theo đơn đặt hàng ổn định, lâu dài và mang tính bền vững.
- Cùng cố các Tổ hợp tác Bảo vệ rừng thực hiện chức năng dịch vụ cung cấp.
- Phối hợp với ngành y tế mở lớp tập huấn cho các hộ kinh doanh cây dược liệu trong toàn tỉnh.

5. Giải pháp về hợp tác

- Thực hiện các đề tài, dự án hợp tác với các tổ chức, cá nhân khoa học trong và nước ngoài, để nghiên cứu bảo tồn nguồn gen, giống cây dược liệu, xây dựng các vườn cây thuốc gia đình;
- Tăng cường đào tạo nhân lực, nhất là những hộ kinh doanh cây dược liệu nhằm sớm nâng cao để tiếp thu và ứng dụng có hiệu quả cao các thành quả tiến bộ khoa học trên thế giới trong gây trồng, chăm sóc, bảo quản và chế biến.
- Mở rộng liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia đầu tư phát triển dược liệu, sơ chế và chế biến sản phẩm chiết suất từ dược liệu, hướng tới xuất khẩu một số nguyên liệu và thuốc từ dược liệu. Chú trọng trong hợp tác 4 nhà:

+ **Nhà nước:** Các chính sách của Đảng và Nhà nước cần được thể chế hóa theo hướng ưu đãi các doanh nghiệp, nhà khoa học và nông dân xây dựng các vùng gây trồng, khai thác dược liệu. Cần chọn một số doanh nghiệp có năng lực để đầu tư mạnh mẽ, hỗ trợ, đảm bảo xây dựng mô hình phối hợp bốn nhà: Nhà nước, doanh nghiệp, nhà khoa học và nhà nông nhằm xây dựng vùng sản xuất dược liệu, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, cung cấp dược liệu tốt và ổn định cho công nghiệp dược, y học cổ truyền và xuất khẩu.

+ **Nhà doanh nghiệp dược, các bệnh viện:** Doanh nghiệp và các bệnh viện có trách nhiệm mua các sản phẩm của nông dân nuôi trồng cây thuốc có chất lượng tốt, đúng theo tiêu chuẩn qui định, không mua các dược liệu trôi nổi, không rõ nguồn gốc và chất lượng. Đồng thời, có hướng dẫn, theo dõi đánh giá quá trình thực hiện quy

trình kỹ thuật trồng, chăm sóc, khai thác và bảo quản cho các chủ rừng, nhằm hạn chế rủi ro.

+ **Nhà khoa học:** Mời gọi các nhà khoa học về dược trong và ngoài tỉnh thực hiện đề tài nghiên cứu tính dược của một số loài cây đặc hữu, có giá trị kinh tế của tỉnh và xây dựng quy trình gây trồng. Những công trình nghiên cứu phải gắn với chủ rừng để thực hiện bàn giao kết quả nghiên cứu về kỹ thuật gây trồng, chăm sóc, khai thác và bảo quản loài dược liệu nghiên cứu thành công.

Đối với những loài cây dược liệu hợp tác gây trồng xen dưới tán rừng làm nguồn nguyên liệu cũng cần những nhà dược học theo dõi, đánh giá tính dược, năng suất và bàn giao quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc, khai thác và bảo quản cho các chủ rừng, nhằm hạn chế rủi ro.

+ **Đối với nhà nông:**

Tổ chức sản xuất gây trồng tạo sản phẩm chất lượng cao, đạt chuẩn.

Tổ chức sản xuất theo nhu cầu thị trường, theo năng lực về diện tích, lao động, hình thành sản xuất các hộ dân trên cơ sở các tổ “Hợp tác bảo vệ rừng” sẵn có để có sản lượng lớn tập trung.

Về lâu dài, khi có liên kết hợp tác gây trồng ổn định thì những Tổ hợp tác bảo vệ rừng sẽ chuyển thành những hợp tác xã trong Lâm nghiệp. Các chủ rừng thực hiện đúng theo yêu cầu chất lượng dược liệu của doanh nghiệp.

6. Giải pháp về cơ chế chính sách

a) Đề xuất các cơ chế chính sách và các chương trình hành động cụ thể để khuyến khích các thành phần kinh tế trong và ngoài nước đầu tư nghiên cứu, sản xuất giống cây dược liệu, tham gia phát triển gây trồng dược liệu, đầu tư cơ sở sơ chế, chế biến, chiết xuất cao, bảo quản dược liệu ứng dụng công nghệ cao, tiên tiến. Xây dựng cơ chế hợp tác bền vững với Bệnh viện Y học cổ truyền, bệnh viện đa khoa sử dụng nguồn nguyên liệu tại chỗ dưới hình thức đơn đặt hàng với 41 Tổ hợp tác bảo vệ rừng tại hai huyện Tri Tôn và Tịnh Biên.

b) Đặc biệt là đề xuất cơ chế chính sách cho các chủ rừng phòng hộ trên núi, những hộ gia đình ven chân núi có thể tham gia gây trồng cây dược liệu. Tạo ra môi trường nghiên cứu cho các trường đại học và tạo điều kiện phát triển gắn với du lịch sinh thái.

7. Đánh giá tác động môi trường

a) Đánh giá chung về tác động môi trường

- Về môi trường vùng nguyên liệu gây trồng cây dược liệu có tính thân thiện môi trường cao vì các nguyên liệu và sản phẩm đều có nguồn gốc thiên nhiên, chính việc tạo vùng nguyên liệu sẽ góp phần cải thiện môi trường xanh.

- Với dược liệu, yếu tố bản địa dược thể hiện rõ nét hơn các loại rau quả vì nó ảnh hưởng nhiều đến tác dụng phòng chữa bệnh của dược liệu. Là sản phẩm của nông nghiệp hữu cơ, việc sản xuất dược liệu sạch luôn có những đặc trưng chủ yếu sau: Bảo vệ độ phì nhiêu lâu dài của đất; Cung cấp dinh dưỡng cần thiết cho cây trồng bằng cách dùng các loại dinh dưỡng không tan được biến đổi nhờ các vi sinh vật ở đất và những dinh dưỡng ở đất do tưới tiêu đem lại; Quản lý sâu, bệnh, cỏ chủ yếu dựa

vào luân canh cây trồng, đa dạng sinh học, các chất diệt sâu bệnh sinh học và sử dụng những giống cây trồng, có độ kháng cao. Tất cả các yếu tố trên đều thuận lợi cho phát triển môi trường sống.

b) Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường

Một số ít loài cây thuốc trong quá trình gây trồng có thể gây ảnh hưởng trực tiếp tới môi trường đất, nước, không khí, ... Chính vì thế, quá trình đi vào gây trồng cụ thể cần nghiên cứu kỹ về đặc điểm các loài cây trồng, địa hình, để giảm thiểu tối đa mức độ ảnh hưởng đến môi trường sống.

IV. Danh mục các dự án đầu tư ưu tiên đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030:

Thời gian thực hiện	Các dự án, mô hình, chương trình cần đầu tư	Tổng vốn đầu tư (trđ)	Phân theo nguồn vốn			
			Ngân sách	Tín dụng	Hộ gia đình	Hợp tác khác
Giai đoạn 2015 - 2016	1. Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ cao tạo cây giống tại Hạt Kiểm lâm Tri Tôn, trồng cây dược liệu.	200	200			
	2. Dự án điều tra hiện trạng, lập danh lục cây dược liệu có giá trị kinh tế, phân tích tính dược cây dược liệu và khoanh vùng bảo vệ cấm khai thác có chỉ dẫn địa lý.	1.000	1.000			
	3. Xây dựng dự án hợp tác với Bệnh viện đa khoa quy hoạch địa điểm, loài cây dược liệu trồng trên vùng quy hoạch ứng dụng công nghệ cao	200	200			
CỘNG		1.400	1.400			
Giai đoạn 2016 - 2020	1. Xây dựng kế hoạch hợp tác với Trung tâm Đông y-Châm cứu, Cty Dược Hậu Giang, Dược liệu thành phố Hồ Chí Minh quy hoạch địa điểm, trồng loài cây dược liệu do các Công ty có nhu cầu thu mua với diện tích 2.000 ha	200	200			
	2. XD 10 mô hình phục tráng trồng, thu hái và bảo quản dược liệu đặc hữu của tỉnh, có tiềm năng phát triển thị trường.	400	120		280	
	3. Xây dựng dự án bảo tồn cây dược liệu với diện tích 500 ha	500	500			
	4. Ước tính vốn đầu tư của chủ rừng và bên hợp tác thực hiện hợp tác gây trồng 2.000 ha cây dược liệu.	14.000		4.200	5.600	4.200
CỘNG		15.100	820	4.200	5.880	4.200
Giai đoạn 2021 - 2025	1. Xây dựng vườn cây dược liệu	200	60		140	
	2. XD 10 mô hình trồng cây thuốc Bắc	200	100		100	
	3. Ước tính vốn đầu tư của chủ rừng và bên hợp tác thực hiện hợp tác gây trồng	7.000		2.100	2.800	2.100

	1.000 ha cây dược liệu.					
	CỘNG	7.400	160	2.100	3.040	2.100
Giai đoạn 2026 - 2030	1. Ước tính vốn đầu tư của chủ rừng và bên hợp tác thực hiện hợp tác gây trồng 2.000 ha cây dược liệu.	14.000		4.200	5.600	4.200
	CỘNG	14.000		4.200	5.600	4.200
	TỔNG CỘNG	37.900	2.380	10.500	14.520	10.500

Ghi chú: Danh mục dự án nêu trên sẽ được xem xét phê duyệt tùy theo tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách của tỉnh cũng như sẽ được tính toán, xác định cụ thể trong từng giai đoạn thực hiện chương trình dự án.

Điều 2. Sau khi Quy hoạch được phê duyệt, Sở Nông nghiệp và PTNT tiếp tục điều chỉnh, bổ sung theo ý kiến đóng góp của các Sở, ban, ngành và UBND huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh về nội dung quy hoạch hoặc có góp ý của các chuyên gia từ các dự án hợp tác trong và ngoài nước, các chuyên gia tình nguyện viên quốc tế đúng chuyên ngành và có thời gian làm việc với Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Khi có phát sinh, điều chỉnh có báo cáo bằng văn bản việc điều chỉnh về Sở Kế hoạch và Đầu tư và Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT.TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Sở NN&PTNT, Sở KHĐT, Sở KHCN;
- Các sở, ngành cấp tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- P.KT, P.HCTC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Văn Nung